



**ĐI TÌM ĐIỂM ĐỘC ĐÁO TRONG BẢN DỊCH
“TIẾNG CHIM HÓT TRONG BỤI MẶN GAI” CỦA PHẠM MẠNH HÙNG
Ở PHƯƠNG DIỆN BIỆN PHÁP TU TỪ**

*Nguyễn Quang Hùng**, *Phan Thị Kim Dung**

Trường THPT Nguyễn Chí Thanh - Gia Lai

Ngày nhận bài: 28-6-2015; ngày nhận bài sửa: 30-9-2015; ngày duyệt đăng: 23-02-2018

TÓM TẮT

Trong thực tế tiếp cận một tác phẩm văn học nước ngoài, người đọc có thể thông qua nguyên tác hoặc bản dịch nghĩa. Bản dịch chính là chìa khóa đầu tiên mở cánh cửa đưa người đọc đến với tác phẩm, đồng thời là quá trình “sáng tạo lại” nguyên tác của dịch giả theo cách “đọc” riêng. Trong bài viết này, chúng tôi đi tìm những điểm độc đáo trong bản dịch nguyên tác “The Thorn Birds” của Phạm Mạnh Hùng ở phương diện biện pháp tu từ

Từ khóa: Phạm Mạnh Hùng, bản dịch, nguyên tác, biện pháp tu từ, Tiếng chim hót trong bụi mận gai.

ABSTRACT

*Finding unique features in terms of rhetorical devices in Pham Manh Hung’s
Vietnamese translated version of “The Thorn birds”*

In approaching a foreign literary work, readers can read the original work or its translated version. The translated version is the first key to open the door leading readers to the work, as well as the process of recreation of the original work in a specific reading style. In this article, the researchers search for unique features in terms of rhetorical devices in Pham Manh Hung’s Vietnamese translated version of “The Thorn birds”.

Keywords: Pham Manh Hung, translated version, original work, rhetorical devices, The thorn birds.

1. Đặt vấn đề

Trong thực tế tiếp cận một tác phẩm văn học nước ngoài, người đọc có thể thông qua nguyên tác hoặc bản dịch nghĩa. Đọc nguyên tác, độc giả phải tự mình nắm bắt toàn bộ tinh thần, tư tưởng của tác giả, phải “tự cảm” để hiểu chiều sâu giá trị tác phẩm. Đọc bản dịch, người đọc chủ yếu tiếp cận tác phẩm qua “kênh” tinh thần, tư tưởng của dịch giả đối với tác phẩm. Bản dịch tác phẩm văn học nước ngoài được xem là một lần sáng tạo lại văn bản của dịch giả. Tuy thế, một nguyên tắc tối quan trọng trong dịch thuật đó là: người dịch phải giữ tối đa tinh thần, tư tưởng, nội dung... của tác phẩm, đồng thời, phải chuyển nghĩa

* Email: hung.nguyenquang99@yahoo.com

để hiểu nhất qua ngôn ngữ khác theo tinh thần, quan điểm thẩm mỹ, quan điểm tiếp cận văn học... của chính nền văn học đó.

The Thorn Birds của Colleen McCullough được xem là tác phẩm vào hàng “kinh điển” của văn học nhân loại ở chiều sâu giá trị tư tưởng cũng như sáng tạo nghệ thuật. Ở Việt Nam, bên cạnh bản dịch tiếng Việt *Những con chim ẩn mình chờ chết* của Trung Dũng, chúng tôi đặc biệt ấn tượng với *Tiếng chim hót trong bụi mận gai* của Phạm Mạnh Hùng bởi các lí do sau: dịch giả đã bám khá sát văn bản gốc để chuyển dịch nội dung sang tiếng Việt; dịch giả đã sáng tạo khi sử dụng ba phương pháp dịch chủ yếu: semantic translation (dịch ngữ nghĩa), communicative translation (dịch giao tiếp) và word-for-word translation (dịch từ đối từ) để làm rõ các biện pháp tu từ nổi bật trong tác phẩm như ẩn dụ (metaphor), hoán dụ (metonymy), so sánh (simile)... Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu những điểm độc đáo của bản dịch *Tiếng chim hót trong bụi mận gai* ở phương diện biện pháp tu từ.

2. Nội dung

Điều nhận thấy trong sáng tạo văn học, ngôn từ chính là chất liệu, phương tiện thiết yếu để nhà văn hình thành nên tác phẩm. Ngôn từ trong đời sống qua dụng công sáng tạo nghệ thuật của nhà văn đã mở ra khoảng trời riêng độc đáo, giàu hình tượng, chứa đựng, biểu đạt cảm xúc của thiên nhiên, vạn vật, con người; trong đó, biện pháp tu từ chính là dấu ấn sáng tạo độc đáo ngôn từ nghệ thuật, nó không chỉ là phương tiện biểu đạt nội dung tác phẩm mà còn là “điểm nhấn” để người đọc khám phá ra chiều sâu giá trị văn bản văn học.

2.1. Khái quát biện pháp tu từ trong nguyên tác *The Thorn Birds* của Colleen McCullough

Khi đọc nguyên tác *The Thorn Birds* của Colleen McCullough, chúng tôi nhận thấy có ba nhóm biện pháp tu từ nổi bật biểu đạt chiều sâu các tầng lớp ý nghĩa nội dung cho tác phẩm, đồng thời, đây cũng chính là sáng tạo nghệ thuật của các giả, đó là nhóm ẩn dụ, nhóm so sánh, nhóm hoán dụ. Nhóm ẩn dụ (metaphor) được tìm thấy 393 trường hợp xuất hiện trong văn bản với các hình thức cú pháp đa dạng trong những cụm danh từ (*noun phrase*), cụm động từ (*verb phrase*) và cụm tính từ (*adjective phrase*). Nhóm so sánh (simile) có 165 trường hợp với các hình thức so sánh khác nhau, các từ so sánh khác nhau. Nhóm hoán dụ (metonymy) có 140 trường hợp xuất hiện ở các hình thức cú pháp tương đối đơn giản. Trong bảng thống kê dưới đây, chúng tôi đã tiến hành làm rõ ba nhóm biện pháp tu từ nói trên xuất hiện trong tác phẩm.

Bảng 1. Thống kê sự xuất hiện các biện pháp tu từ từ vựng trong nguyên tác

Lexical Stylistic Devices (Biện pháp tu từ từ vựng)	Raw number (Số lượng)	Total sentences (Tổng số câu văn)	Percentage (%) (Phần trăm)
Metaphor (ẩn dụ)	393	12,672	3,1%
Simile (so sánh)	165	12,672	1,3%
Metonymy (hoán dụ)	140	12,672	1,1%

Bảng 2. Thống kê các hình thức xuất hiện của biện pháp tu từ ẩn dụ trong nguyên tác

Metaphor (ẩn dụ)	Các hình thức xuất hiện	<p>Cụm danh từ: 274 lần, ví dụ:</p> <p>1. “And again she found herself yearning for the day when Meggie became old enough to take the burden of it from Frank’s shoulders”. [21; 1] (“Và một ý nghĩ buồn rầu lại đến với chị: mong sao Mecghi lớn nhanh để cất cho Frenk mối bận tâm ấy”. [25; 2])</p> <p>2. “From waking to sleeping she lived in the kitchen and back garden, her stout black boots beating a circular path? from stove to laundry to vegetable patch to clothesline and thence to stove again”. [11; 1] (“Từ sáng sớm cho đến khuya, cuộc sống của chị là ở bếp và vườn rau, đôi chân đi giày thô màu đen đưa chị đi vẫn theo cái vòng tròn ấy – từ bếp đến chậu giặt, từ chỗ giặt đến luống rau, và từ đó đến dây phơi đồ rồi trở lại bếp”. [17; 2])</p>
		<p>Cụm động từ: 108 lần, ví dụ:</p> <p>1. “Not Mary Carson’s idea of living, to play second fiddle”. [77; 1] (“Không, chơi cây đàn thứ hai trong cuộc đời không phải là việc của Meri Caxcôn”. [70; 2])</p> <p>2. “She was beautiful, and he enjoyed beauty; and, least acknowledged of all, she filled an empty space in his life which his God could not, for she had warmth and a human solidity”. [119; 1] (“Nó xinh đẹp, và mọi cái đẹp để đều làm cha thích thú; và cuối cùng, điều này cha ít muốn thú nhận với mình nhất – chính nó lấp cái chỗ trống trong đời cha mà Chúa không thể lấp đầy được, vì nó là một sinh vật biết yêu, có khả năng đem sự đầm ấm đáp lại sự đầm ấm”. [106; 2])</p>

	<p>Cụm tính từ: 11 lần, ví dụ:</p> <p>1. “For to fight was the only way he knew of ridding himself of anger and pain, and as he landed the felling punch he thought the great dull voice in his ear changed its song, to Kill! Kill! Kill!”. [132; 1]</p> <p>(“Câu không biết cách nào khác để trút nỗi đau đớn và căm giận, và khi đánh ngã một đối thủ, cậu nghe thấy một tiếng nói hùng dũng lặp đi lặp lại một bài ca khác: “giết! giết! giết!” [117; 2]</p> <p>2. “She became mentally deaf, dumb and blind”. [45; 1]</p> <p>(“Về nội tâm nó đã hóa thành khúc gỗ. Mù và điếc”. [44; 2]</p>
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Bảng 3. Thống kê các hình thức biểu hiện của biện pháp tu từ so sánh trong nguyên tác

Marker (từ chỉ so sánh)	Number (Số lượng)	Percentage (phần trăm) (%)
Like (như là, như, giống như)	96	58,2
As if (như thể là)	33	20
Seem (dường như)	10	6,06
As/ as ... as (như là)	25	15,2
No marker of simile (không dùng từ chỉ so sánh)	1	0,54
Total (tổng số)	165	100

Bảng 4. Thống kê các hình thức biểu hiện của biện pháp tu từ hoán dụ trong nguyên tác

Stylistic devices (Các biện pháp tu từ)	Total	Noun phrase (Cụm danh từ)	%	Adjective phrase (Cụm tính từ)	%	Verb phrase (Cụm động từ)	%
Metonymy (hoán dụ)	140	140	100	0	0	0	0

2.2. Những sáng tạo dịch thuật biện pháp tu từ từ vựng trong bản dịch Tiếng chim hót trong bụi mận gai của Phạm Mạnh Hùng

Trên cơ sở đọc đối chiếu với nguyên tác *The Thorn Birds* của Colleen McCullough trong bản dịch *Tiếng chim hót trong bụi mận gai* của Phạm Mạnh Hùng, chúng tôi nhận thấy những điểm độc đáo sau về biện pháp tu từ từ vựng:

- Đối với biện pháp tu từ ẩn dụ (metaphor), dịch giả Phạm Mạnh Hùng đã chuyển nghĩa tiếng Việt qua các cách dịch: dịch giống như so sánh, dịch giữ nguyên hoặc mất hình ảnh ẩn dụ, sử dụng ẩn dụ tương đương với ngôn ngữ đích và dịch giải thích điển giải.
- Biện pháp so sánh (simile) đã được dịch giả dịch như ẩn dụ, dịch không dùng từ so sánh, dịch giữ lại hoặc mất hình ảnh so sánh tuy có dùng từ so sánh.
- Biện pháp tu từ hoán dụ (metonymy) đã được Phạm Mạnh Hùng dịch bằng những thủ thuật đơn giản hơn hai biện pháp tu từ trên thông qua việc dịch với hình ảnh hoán dụ hoặc dịch cụ thể con người, sự vật mà hoán dụ đề cập.

- Người dịch vẫn giữ lại nét nghĩa ẩn dụ (metaphor), hoán dụ (metonymy) và so sánh (simile) giống với nét nghĩa của bản gốc kể cả mối tương quan về mặt cú pháp và từ vựng.

Bên cạnh những điểm giống nhau được nêu ở trên, nét nghĩa của các biện pháp tu từ này cũng có những điểm khác giữa bản nguyên tác và bản dịch của Phạm Mạnh Hùng ở hai điểm sau:

- Nét nghĩa của các biện pháp tu từ trong bản tiếng Việt đã chuyển nghĩa khác hẳn so với bản gốc, nghĩa là các biện pháp tu từ này không còn chứa *metaphor*, *simile* hay *metonymy* nữa, chúng có thể là những sự giải thích hoặc được dịch với lối dịch thông thường để làm rõ nghĩa giúp người đọc dễ dàng hiểu “ý định” của tác giả hơn.

- Các biện pháp tu từ được dịch theo cú pháp khác hẳn với ngôn ngữ gốc, chúng có thể được rút ngắn hơn hay được miêu tả tỉ mỉ hơn để phù hợp với văn phong tiếng Việt nhằm giúp người đọc cảm nhận được tình huống, hoàn cảnh một cách dễ hiểu hơn.

Để làm rõ điều này, chúng tôi đã tiến hành đối chiếu biện pháp tu từ ở văn bản gốc và văn bản dịch tiếng Việt của Phạm mạnh Hùng:

Bảng 5. Thống kê những điểm mất và còn đối với biện pháp tu từ ẩn dụ (metaphor) trong bản dịch tiếng Việt so với nguyên tác

Metaphor (ẩn dụ)	Times (số lần xuất hiện)	Percentage (%) (Phần trăm)
Reserving (còn)	325	82,6
Removing (mất)	68	17,4
Nguyên tác	393	100

Bảng 6. Thống kê những điểm mất và còn đối với biện pháp tu từ hoán dụ (metaphor) trong bản dịch tiếng Việt so với nguyên tác

Metonymy (hoán dụ)	Tần suất xuất hiện	Percentage (%)
Reserving (còn)	104	74,3
Removing (mất)	36	25,7
Nguyên tác	140	100

Bảng 7. Thống kê những điểm mất và còn đối với biện pháp tu từ so sánh (simile) trong bản dịch tiếng Việt so với nguyên tác

Simili (so sánh)	Tần suất xuất hiện	Percentage (phần trăm) %
Reserving (còn)	127	76,9
Removing (mất)	38	23,1
Nguyên tác	165	100

Bảng 8. Liệt kê ví dụ cách dịch giữ lại hình ảnh ẩn dụ, so sánh, hoán dụ

Biện pháp tu từ	English (tiếng Anh)	Vietnamese (Tiếng Việt)
Ẩn dụ	“No man in his middle thirties, even Ralph de Bricassart, could fail to see the unfolding rose ”. [185; 1]	“Không một người đàn ông nào ngoài ba mươi, ngay cả Ranfơ đờ Brikaxxa mù quáng đến mức không nhận ra bông hồng đang mở cánh ”. [162; 2]
Hoán dụ	“There was so much to be done, hardly any money to do with it, not enough time, and onlyone pair of hands ”. [12; 1]	“Có bao nhiêu việc cần làm, luôn luôn thiếu tiền, luôn luôn thiếu thời gian, và bất cứ việc gì cũng vẫn chỉ có một đôi tay ”. [18; 2]
So sánh	“Behind them, all by herself, Meggie stood gaping up at him with her mouth open, as if she were looking at God ”. [95; 1]	“Phía sau chúng, Mecghi đứng riêng ra, miệng hé mở nhìn ông như nhìn chính Chúa trời ”. [86; 2]

Trong ví dụ **ẩn dụ**, tác giả và dịch giả đều dùng hình ảnh bông hồng đang nở để chỉ Mecghi, một thiếu nữ đang bước vào tuổi thanh xuân, tuổi đẹp nhất của đời người. Người dịch không những giữ nguyên hình ảnh ẩn dụ về mặt từ vựng mà còn giữ lại cả nét nghĩa ẩn dụ “**bông hồng đang mở cánh**” cho “**the unfolding rose**” khiến cho người đọc liên tưởng đến một thiếu nữ ngây thơ, trong trắng và tràn đầy sức sống.

Trong ví dụ **hoán dụ**, hình ảnh “đôi tay” ngầm ám chỉ đến Fia, người đảm nhận tất cả công việc nhà, hay làm lụng vất vả. Bằng phương pháp dịch ngữ nghĩa (semantic method), dịch giả vẫn giữ lại nét nghĩa hoán dụ như trong bản gốc. Cụm từ mang ý nghĩa hoán dụ này diễn tả sức làm việc quá nhiều của Fia và khát vọng có thêm “tay” để giúp làm hết cả núi công việc nhà đang chờ chị.

Trong ví dụ **so sánh**, tác giả so sánh cha Ralp và Chúa Trời qua cái nhìn của Meggie. Điều này diễn tả lòng tôn kính, ngưỡng mộ của Meggie đối với cha Ralp. Với lối dịch ngữ nghĩa cũng như giữ được nét nghĩa so sánh dịch giả đã truyền tải ý nghĩa được ẩn giấu trong so sánh này là một nỗi lòng đầy đầy khát khao được chiêm ngưỡng vị linh mục không những có thân hình cân đối, đẹp trai mà còn có cả một tâm hồn đẹp trong mắt Meggie.

Bảng 9. Liệt kê ví dụ cách dịch mất hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ, so sánh

Biện pháp tu từ	English (tiếng Anh)	Vietnamese (tiếng Việt)
Ẩn dụ	“Down her back cascaded a mane of carefully curled hair, sparkling in the sun; not red not gold, but somewhere in between”. [7; 1]	“Những búp tóc uốn cẩn thận xõa xuống lưng lấp lánh dưới ánh mặt trời – không phải màu đỏ đồng, cũng không phải màu vàng óng, mà là một màu gì

		đặc biệt giữa hai màu đỏ. [14; 2]
Hoán dụ	“ Spiteful little cats! ” I wish I’d thought to catch some those things out of your head; I’m sure they’d keep. The minute everyone forgot, I’d sprinkle a few heads with a new lot.” [55; 1]	“ Chúng là đồ phù thủy. Tiếc rằng anh không sớm nghĩ ra mà cắt sẵn đi mấy con chấy ở đầu em. Không thì hể mấy con bé độc ác ấy sơ ý là anh bỏ luôn vào tóc chúng”. [51; 2]
So sánh	“Their mother’s blossoming happiness had affected them deeply; it was like seeing the start of a good drenching rain ”. [238; 1]	“Cả nhà hạnh phúc vô hạn thấy mẹ hạnh phúc như thế, chẳng khác gì sau kì hạn hán, trước mắt mọi người bắt đầu đổ xuống trận mưa dòi dào khiến vạn vật tươi tỉnh lại ”. [208; 2]

Trong ví dụ **ẩn dụ**, tác giả dùng động từ “**cascaded**” có nghĩa đen là chảy như dòng thác để miêu tả mái tóc của Fia, gợi lên hình ảnh một mái tóc dày, màu vàng óng mượt rất đẹp. Tuy nhiên dịch giả đã chuyển nghĩa của động từ này sang tiếng Việt bằng phương pháp phỏng dịch, không dùng từ ẩn dụ khiến cho độc giả cảm nhận ngay được một mái tóc đẹp đang lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Trong ví dụ **hoán dụ**, khi gia đình Krili phát hiện Meggie có chấy trên đầu, họ đổ lỗi cho cô bé Teresa, bạn của Meggie. Cô bé là con của một gia đình người Ý, chủ tiệm café ở Ucraina. Vốn dĩ dòng họ Ý ở vùng này luôn bị kì thị. Vì thế “**Spiteful little cats**” là cụm từ mà Frank, anh của Meggie đã nói trong cơn bực tức để ám chỉ gia đình người Ý ấy. Nghĩa từ vựng của những từ này chỉ con vật, mèo còn ý nghĩa được dịch sang tiếng Việt là “**đồ phù thủy**”. Phần dịch này liên quan đến văn hóa. Vì trước kia mèo thỉnh thoảng bị coi là ma quỷ, ví dụ như nó không mang lại may mắn thậm chí là điềm xui xẻo hay thường đi liền với những mu phù thủy trong nhiều nền văn hóa Trung cổ, đặc biệt là những con mèo đen. Người dịch cố gắng đem đến cho người đọc hình ảnh hoán dụ khác quen thuộc của người Việt Nam hơn “**phù thủy**” để ám chỉ người độc ác, nham hiểm.

Trong ví dụ **so sánh**, ở tiểu thuyết gốc, tác giả đã so sánh niềm hạnh phúc của người mẹ với cơn mưa rào được dịch giả chuyển nghĩa sang tiếng Việt “**bắt đầu đổ xuống trận mưa dòi dào khiến vạn vật tươi tỉnh lại**”. Mặc dù cụm từ này vẫn còn từ so sánh nhưng không còn chứa ý nghĩa ẩn dụ nữa. Với lối dịch communicative method (dịch thông báo), ta có thể cảm nhận được một hình ảnh hết sức đời thường trong cuộc sống sau cơn mưa. Đó chính là sự rạng rỡ trên gương mặt người mẹ lúc nào cũng nghiêm nghị, lúc nào cũng bận rộn với công việc bếp núc, nay đã cười mở hơn.

Qua các bảng thống kê, chúng tôi nhận thấy, hầu hết metaphor (ẩn dụ) được dịch với nét nghĩa ẩn dụ còn giữ lại biện pháp tu từ so với bản gốc (310 trường hợp). Ngược lại, với nét nghĩa ẩn dụ không còn biện pháp tu từ như trong văn bản gốc chiếm một lượng ít hơn trong tổng số với 70 trường hợp.

Ở biện pháp tu từ hoán dụ, nét nghĩa hoán dụ trong bản tiếng Việt đa số vẫn còn được giữ lại như nét nghĩa của bản gốc với số lần 107 trong tổng **metonymy** (hoán dụ), chỉ có 29 lần dịch giả thay đổi nét nghĩa hoán dụ trong bản gốc bằng cách diễn giải hoặc chuyển nghĩa cụ thể sự vật, hiện tượng... theo “chủ ý” của tác giả Coleen McCulough.

Bên cạnh đó, trong quá trình chuyển dịch sang tiếng Việt, dịch giả đã chuyển nghĩa so sánh của các câu có chứa simile (so sánh) như nguyên tác và có sử dụng từ chỉ dấu hiệu so sánh như *tuông như, như là, như, dường như...* Một số simile (so sánh) được chuyển sang ngôn ngữ dịch mất hẳn ý so sánh, có lúc người dịch dùng lối ẩn dụ và dịch thoát ý để lời văn gần gũi với ngôn ngữ của người đọc. Đôi khi những từ chỉ so sánh vẫn được sử dụng ở ngôn ngữ dịch, nhưng phần so sánh không còn giữ nguyên nghĩa từ vựng như trong bản gốc.

3. Kết luận

Từ quá trình khai thác bản dịch *Tiếng chim hót trong bụi mận gai* của Phạm Mạnh Hùng, chúng tôi nhận thấy:

- Trong bản dịch, dịch giả không chỉ chuyển dịch gần như nguyên vẹn các nhóm biện pháp tu từ từ vựng trong nguyên tác mà còn sáng tạo trong cách dịch chuyển đổi nghĩa, chuyển đổi chiều sâu biểu đạt, hàm ẩn nghĩa... các biện pháp tu từ nói trên. Điều này, không chỉ giúp bản dịch sát với nguyên tác về nội dung mà còn giúp người đọc dễ dàng nắm bắt chiều sâu các tầng mạch ý nghĩa, giá trị của tác phẩm *The Thorn Birds*.
- Điều đem lại thành công cho bản dịch tiếng Việt là sự am tường và tình yêu tha thiết của Phạm Mạnh Hùng đối với nền văn hóa xứ sở Úc, chính chiều sâu hiểu biết văn hóa là yếu tố tạo ra sức hút, sức ám ảnh khó cưỡng cho bản dịch *Tiếng chim hót trong bụi mận gai*.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Colleen McCullough. (1977). *The Thorn Birds*. Harper and Row, Publisher.
Phạm Mạnh Hùng. (2012). *Tiếng chim hót trong bụi mận gai*. Hà Nội: NXB Văn học.